

Số: **1786** /QĐ-ĐCT

Hà Nội, ngày **26** tháng **9** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình nghiên cứu khoa học về phụ nữ và bình đẳng giới
của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027**

ĐOÀN CHỦ TỊCH TRUNG ƯƠNG HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học Cơ quan Trung ương Hội LHPN Việt Nam và Ban Chính sách - Luật pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học về phụ nữ và bình đẳng giới của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng khoa học cơ quan, Ban Chính sách - Luật pháp, Ban Tổ chức, Văn phòng và các ban, đơn vị Trung ương Hội, Hội LHPN các tỉnh, thành phố và đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thường trực Đoàn Chủ tịch (để b/c);
- Các ban, đơn vị TW Hội;
- Các tỉnh, thành Hội;
- Ban PN Quân đội, Ban PN CAND;
- Thành viên Hội đồng khoa học CQ;
- Lưu: VT, CSLP (02).



Nguyễn Thị Minh Hương



CHƯƠNG TRÌNH

Nghiên cứu khoa học về phụ nữ và bình đẳng giới của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027
(Ban hành kèm theo Quyết định số **1786** /QĐ-ĐCT ngày **26**./.../2023 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam)

PHẦN I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ

Nghị quyết chuyên đề số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ (KHCN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thể hiện các quan điểm lớn của Đảng đối với phát triển KHCN, trong đó, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KHCN, yêu cầu: *“phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ. Bảo đảm cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước”*...

Văn kiện Đại hội Đảng qua các thời kỳ ngày càng chú trọng phát triển KHCN. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII coi KHCN và đổi mới sáng tạo là một trong các đột phá chiến lược quan trọng nhất tiến tới phát triển nhanh, bền vững, thể hiện rõ tư duy mới và tầm nhìn chiến lược của Đảng đối với vai trò của KHCN trong tiến trình phát triển đất nước, đòi hỏi các cấp, các ngành phải đẩy mạnh và đầu tư thỏa đáng cho phát triển KHCN.

Luật Khoa học và Công nghệ (2013) có nhiều quy định, chính sách quan trọng, có tính đột phá, tạo tiền đề quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động KHCN ở phạm vi quốc gia, cũng như các cấp, các ngành, các lĩnh vực.

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 01/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, với 9 mục tiêu cụ thể và 4 định hướng chủ yếu phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo. Trong đó, định hướng về phát triển nghiên cứu khoa học lĩnh vực xã hội và nhân văn đã xác định 9 hướng nghiên cứu lớn cần quan tâm, đồng thời yêu cầu: *“Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức khác theo chức năng, nhiệm vụ chủ động, tích cực tham gia thực hiện Chiến lược”* (Điều 2, Khoản 11).

1.2. Vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Hội LHPN Việt Nam

Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị 21-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới xác định Hội LHPN Việt Nam có vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ.

Hiến pháp (2013) khẳng định vị trí, vai trò của tổ chức Hội, có chức năng “*đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên*” (Điều 9); được trình dự án Luật, Pháp lệnh (Điều 84); tham dự các phiên họp của Chính phủ (Điều 101), Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp khi bàn về những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội (Điều 116).

Luật Bình đẳng giới (2007) quy định rõ trách nhiệm của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong thúc đẩy bình đẳng giới (Điều 29, Điều 30). Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2015) và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác quy định cụ thể về quyền, trách nhiệm của Hội gắn với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội, cũng như với vai trò là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc, như: Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; thực hiện giám sát và phản biện xã hội; Tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước; thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân (Điều 3).

Chiến lược phát triển Hội LHPN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035 xác định “*Công tác nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu lý luận của Hội được nâng lên tầm quốc gia, góp phần bổ sung lý luận về phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Chú trọng nghiên cứu dự báo, chủ động nghiên cứu những vấn đề mới, thiết thực; gắn nghiên cứu cơ bản với ứng dụng; sử dụng kết quả nghiên cứu làm bằng chứng để Hội thực hiện tốt chức năng đại diện bảo vệ, chăm lo cho hội viên, phụ nữ và tham mưu, đề xuất chính sách với Đảng, Nhà nước*”.

Nghị quyết Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII nhiệm kỳ 2022-2027 xác định đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn là một trong bốn nhóm giải pháp cơ bản, trong đó, “*Tập trung nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu lý luận, góp phần bổ sung lý luận về phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới, tập trung nghiên cứu những vấn đề mới, khó như: phụ nữ với hội nhập quốc tế; tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh mới, Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; nội dung, phương thức hoạt động của Hội trong tình hình mới...*”.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN của Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2017 - 2022

2.1. Khái quát kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN nổi bật thời gian qua

- Nhiệm vụ KHCN tăng cả về chất lượng và số lượng

Trong nhiệm kỳ 2017-2022, Trung ương Hội LHPN Việt Nam và các đơn vị trực thuộc đã thực hiện tổng số 86 nhiệm vụ KH&CN các cấp, gồm 01 đề tài độc lập cấp quốc gia, 46 đề tài/điều tra/dự án thử nghiệm cấp Bộ (chiếm 53,5%) trong đó có 03 đề tài của Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED), 39 đề tài cấp cơ sở (tương đương 45,3%). Khảo sát thực tế cho thấy, trong vòng 5 năm qua, chỉ có 46% số tỉnh/thành Hội (29 tỉnh) có đề tài

nghiên cứu khoa học, trong đó chủ yếu là có 1 đề tài (chiếm 24,7%)¹. Số lượng nhiệm vụ KH&CN do Hội thực hiện đã tăng mạnh, tương đương tổng số đề tài của hai nhiệm kỳ trước đó². Kinh phí thực hiện công tác nghiên cứu khoa học cũng được quan tâm huy động từ các nguồn kinh phí đa dạng khác nhau bên cạnh ngân sách sự nghiệp KH&CN³.

Bên cạnh thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các nhiệm vụ KH&CN khác cũng được tăng cường, như: tổ chức các hội thảo khoa học nhằm tham vấn ý kiến và tạo diễn đàn cho các nhà khoa học, chuyên gia trong trao đổi, thảo luận sâu về các vấn đề phụ nữ, gia đình và bình đẳng giới được quan tâm. Trong giai đoạn 2017-2022, Hội đã tổ chức gần 30 hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế với nguồn kinh phí đa dạng từ ngân sách và hợp tác với các tổ chức trong nước, quốc tế. Trong giai đoạn 2012 – 2022, cán bộ TW Hội và các đơn vị trực thuộc đã xuất bản 26 sách chuyên khảo/kỷ yếu có chỉ số ISBN, công bố 143 bài báo khoa học trong các tạp chí trong nước có chỉ số ISSN và 18 bài báo khoa học thuộc danh mục ISI/SCOPUS.

- Cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội. Trong nhiệm kỳ 2017 – 2022, các nhiệm vụ KH&CN do Trung ương Hội thực hiện tập trung theo hai xu hướng lớn:

Thứ nhất, nghiên cứu tham mưu công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động Hội và phục vụ giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn: 33 đề tài (chiếm 34,4%). Đây là các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ và cấp cơ sở có tính ứng dụng cao, thường được thực hiện theo đặt hàng của Thường trực Đoàn Chủ tịch, nhằm cung cấp cơ sở khoa học, đề xuất giải pháp cho các vấn đề mới, vấn đề khó trong công tác chỉ đạo, điều hành công tác Hội và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn Hội, như: giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội; thu hút, tập hợp, phát triển hội viên; cách thức triển khai và tiêu chí đánh giá phong trào thi đua; yêu cầu, định hướng phát triển toàn diện phụ nữ... Kết quả của các nhiệm vụ KH&CN này là tài liệu tham khảo hữu ích cho Hội tham gia góp ý xây dựng văn kiện Đại hội Đảng, xây dựng văn kiện Đại hội đại biểu Phụ nữ cũng như việc xây dựng Chiến lược phát triển Hội LHPN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

Thứ hai, nghiên cứu can thiệp, đề xuất giải pháp, chính sách nhằm bảo vệ, hỗ trợ, thúc đẩy phụ nữ phát triển trong các lĩnh vực: 53 đề tài (tương đương 61,6%), trong đó, lĩnh vực được quan tâm nghiên cứu nhiều nhất là hỗ trợ phụ nữ trong kinh tế, lao động, việc làm (16 đề tài); sau đó là các đề tài về phụ nữ trong lĩnh vực gia đình, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

Xét theo đối tượng, các đề tài nghiên cứu của Hội thường tập trung nhiều hơn vào các nhóm phụ nữ đặc thù/yếu thế, đó là các nhóm phụ nữ cao tuổi, di cư,

¹ Kết quả khảo sát thực trạng công tác nghiên cứu khoa học của Hội LHPN các tỉnh/thành phố theo Công văn số 852/ĐCT-CSLP ngày 19/9/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam.

² gồm 31 đề tài của nhiệm kỳ 2007-2012 và trên 40 đề tài của nhiệm kỳ 2012-2017

³ theo đó, số lượng nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách khác đã tăng từ trung bình 1,1 nhiệm vụ/năm trong giai đoạn 2012-2016 lên hơn gấp đôi – 2,8 nhiệm vụ/năm trong giai đoạn 2017-2022

dân tộc thiểu số, phụ nữ nghèo; phụ nữ là nạn nhân của bạo lực; phụ nữ nông dân/nông thôn... Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để Hội đề xuất thành công một số chính sách và đề án hỗ trợ bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ, trẻ em, như: Các chính sách liên quan đến lao động nữ và bình đẳng giới trong lao động tại Bộ luật Lao động sửa đổi (2019) và 04 Đề án của Chính phủ. Đặc biệt, trên cơ sở kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học, Hội đã xây dựng và bảo vệ thành công dự án 8 “*Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết một số vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em*” thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Kết quả nghiên cứu khoa học đã hỗ trợ tích cực cho công tác phản biện xã hội, vận động chính sách dựa trên bằng chứng, nhờ đó hiệu quả ngày càng rõ rệt.

- *Tăng cường chia sẻ, ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn:* Hội tăng cường khai thác các ứng dụng trực tuyến như Google Drive, OneDrive để thực hiện khảo sát trực tuyến, tổng hợp ý kiến, lưu trữ, đồng bộ dữ liệu... đảm bảo kịp thời, tiện lợi, có thể khảo sát với cỡ mẫu lớn. Hội đồng Khoa học cơ quan TW Hội đã bước đầu xây dựng cơ sở dữ liệu về phụ nữ và bình đẳng giới, phối hợp với Tổng cục Thống kê xây dựng số liệu thống kê giới hằng năm. Đồng thời, tăng cường chia sẻ các kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tăng tính ứng dụng trong thực tiễn công tác Hội.

- *Bộ máy quản lý khoa học của TW Hội được củng cố, kiện toàn.* Từ tháng 7/2017, đầu mỗi năm công tác quản lý khoa học của cơ quan đã được chuyển từ Học viện Phụ nữ Việt Nam về Ban Chính sách-Luật pháp, tạo thuận lợi cho quá trình tham mưu thực hiện nhiệm vụ. Hội đồng Khoa học cơ quan TW Hội được kiện toàn ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ với các thành viên là ủy viên Đoàn chủ tịch TW Hội và các nhà khoa học có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu về giới và phụ nữ, giúp nâng cao chất lượng các hoạt động KHCN của Hội.

2.2. Tồn tại, hạn chế và vấn đề đặt ra

- *Về số lượng, chất lượng và nội dung nghiên cứu khoa học:* các nghiên cứu của Hội có quy mô nhỏ, chưa thực hiện được nhiều nghiên cứu có tính chiến lược, nghiên cứu dự báo, nghiên cứu đánh giá tác động chính sách; một số mảng nội dung và nhóm đối tượng chưa được quan tâm nghiên cứu thỏa đáng, chưa đáp ứng kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra; các nghiên cứu, khảo sát nhanh trên diện rộng về các vấn đề được quan tâm chưa phát huy được hết hiệu quả.

- *Công tác quản lý khoa học* chủ yếu được thực hiện ở cấp trung ương, còn thiếu sự gắn kết trong hoạt động nghiên cứu khoa học trong hệ thống Hội, cả trong triển khai hoạt động nghiên cứu và ứng dụng kết quả. Công tác hướng dẫn, hỗ trợ về nghiên cứu khoa học của cấp TW chưa thường xuyên, thiếu định hướng nghiên cứu mang tính dài hạn và chiến lược hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu KHCN của Hội LHPN cấp tỉnh/thành phố.

- *Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ còn hạn chế*, nhất là cấp tỉnh/thành phố, trong khi nhu cầu nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề liên quan đến phụ nữ ngày càng tăng. Trong nhiệm kỳ vừa qua, chỉ có 15,3% số cán bộ Hội LHPN cấp tỉnh/thành phố đã được đào tạo, tập huấn,

bồi dưỡng về phương pháp nghiên cứu khoa học; khoảng 3,1% cán bộ có bài báo đăng trên các tạp chí⁴ nên kinh nghiệm, năng lực tổ chức, thực hiện nghiên cứu khoa học còn nhiều khó khăn. Tại cấp TW Hội, tính đến năm 2022, có 184 cán bộ⁵, trong đó: 68 cán bộ có trình độ Đại học; 96 cán bộ có trình độ Thạc sĩ, 06 cán bộ trình độ Tiến sĩ, 01 Phó Giáo sư, tiến sĩ. Tuy nhiên, nhiều cán bộ chưa có điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học thường xuyên, còn lúng túng trong hoạt động nghiên cứu.

- *Công tác thông tin, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học còn hạn chế.* Việc công bố kết quả nghiên cứu chủ yếu mang tính nội bộ, thông qua đăng tải trên tờ Thông tin nghiên cứu khoa học và bình đẳng giới được phát hành hằng năm, hoặc trên chuyên mục “Nghiên cứu và trao đổi” cổng thông tin điện tử của Hội. Số lượng công trình được công bố dưới hình thức sách chuyên khảo hoặc bài báo khoa học có chỉ số ISSN còn hạn chế.

- *Về nguồn lực kinh phí:* Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của TW Hội bước đầu có tăng về quy mô, được huy động từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau, tuy nhiên, nguồn lực kinh phí còn rất hạn hẹp so với quy mô của một đơn vị đầu mối KHCN cấp quốc gia. Trong nhiệm kỳ, kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu KHCN trung bình khoảng 3,5 tỷ/năm⁶.

- *Về hoạt động nghiên cứu khoa học của địa phương:* hoạt động nghiên cứu khoa học của các tỉnh/thành Hội còn hạn chế, cả về số lượng đề tài và số lượng tỉnh/thành tham gia nghiên cứu khoa học. Các sản phẩm của hoạt động nghiên cứu khoa học còn hạn chế; thiếu sự gắn kết trong hoạt động nghiên cứu khoa học giữa các cấp, mới tập trung chủ yếu ở cấp Trung ương. Số cán bộ tỉnh, thành Hội tham gia nghiên cứu khoa học và các hoạt động có tính chất nghiên cứu còn khiêm tốn (khoảng 21,3%) nên kinh nghiệm, năng lực tổ chức, thực hiện nghiên cứu khoa học gặp nhiều khó khăn.

3. Các vấn đề cần quan tâm trong bối cảnh hiện nay

3.1 Bối cảnh

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, có tác động cả tích cực lẫn tiêu cực đến sự phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam cũng như tác động đến cơ hội, thách thức của nam giới và phụ nữ ở các nhóm tuổi và nhóm xã hội khác nhau. Việt Nam chịu nhiều tác động kinh tế từ cuộc xung đột Nga - Ukraine. Nhiều ngành nghề có giảm sút lớn về đơn hàng quốc tế, ảnh hưởng đến việc làm của người lao động, nhất là các ngành dệt may, da giày, điện tử, chế biến thực phẩm, dịch vụ, du lịch - là những ngành có nhiều lao động nữ. Bên cạnh đó, đại dịch COVID-19 vẫn tiếp tục để lại những tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ đang thực hiện nhiều giải pháp đảm bảo phục hồi sau dịch.

⁴ Kết quả khảo sát thực trạng công tác nghiên cứu khoa học của Hội LHPN các tỉnh/thành phố theo Công văn số 852/ĐCT-CSLP ngày 19/9/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam.

⁵ 184 cán bộ bao gồm: cán bộ Văn phòng và các Ban chuyên môn; trưởng, phó các đơn vị sự nghiệp.

⁶ Chưa đạt so với yêu cầu là 2% mức chi tổng ngân sách của cơ quan theo Quyết định số 2667/QĐ-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ đang tạo ra nhiều việc làm mới và cũng là thách thức lớn đối với người lao động ở các ngành nghề truyền thống do thiếu kỹ năng phù hợp, trong đó, phần đông là phụ nữ. Sự ra đời của công nghệ số với các nền tảng trực tuyến góp phần hỗ trợ phụ nữ tiếp cận thông tin, kiến thức, giáo dục, nâng cao trình độ chuyên môn và các cơ hội phát triển mới như việc làm, kinh doanh, từ đó tạo ra những thay đổi tích cực không chỉ cho bản thân phụ nữ mà còn cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, phụ nữ còn gặp nhiều rào cản để có thể tận dụng được lợi ích của kỷ nguyên số do thiếu kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ số. Sự phát triển của công nghệ số cũng góp phần làm tăng nguy cơ cho phụ nữ như bị tấn công, quấy rối, bạo lực tình dục qua mạng, bị lợi dụng lừa đảo, chiếm đoạt tài sản... Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh chóng cũng đang đặt ra nhiều thách thức đối với hệ thống giá trị và các chuẩn mực văn hóa, trong đó có các chuẩn mực và giá trị liên quan đến các quan hệ giới trong gia đình và ngoài xã hội.

Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới và dự báo sẽ bước vào thời kỳ dân số già vào năm 2036, đặt ra những cơ hội và thách thức về mặt kinh tế, xã hội, đòi hỏi nhiều thay đổi trong nền kinh tế. Già hóa dân số nhanh chóng có thể dẫn đến tình trạng thiếu lao động trong tương lai cũng như nhu cầu an sinh xã hội ngày càng tăng ở người cao tuổi, đặc biệt là phụ nữ do tỷ lệ phụ nữ cao tuổi luôn có xu hướng cao hơn nam giới.

Bình đẳng giới tiếp tục được quan tâm cả trên bình diện quốc tế và ở Việt Nam. Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Chỉ thị 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới” vẫn là những chính sách lớn về công tác phụ nữ, yêu cầu Hội LHPN Việt Nam các cấp phát huy vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ. Chính phủ đã có nhiều nỗ lực và tiếp tục các cam kết xây dựng, hoàn thiện thể chế để thúc đẩy bình đẳng giới trong mọi mặt đời sống xã hội. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 xác định mục tiêu cần đạt trong 6 lĩnh vực: chính trị; kinh tế - lao động; đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; y tế; giáo dục, đào tạo; thông tin, truyền thông, với các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, trong đó, có vai trò, trách nhiệm của tổ chức Hội. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề đang đặt ra đối với việc đảm bảo bình đẳng giới và sự phát triển của phụ nữ: nghèo đói, biến đổi khí hậu, bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới, an toàn trên môi trường mạng... Bên cạnh đó, xu hướng cởi mở về giới tính cũng là một trong những nội dung đang nhận được sự quan tâm hiện nay.

Giai đoạn tới diễn ra nhiều hoạt động tổng kết và xây dựng, sửa đổi các chính sách xã hội liên quan trực tiếp đến phụ nữ và bình đẳng giới, như: Luật bình đẳng giới 2007, Luật Đất đai, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Phòng, chống mua bán người... và các chương trình, chiến lược, đề án, dự án. Hội LHPN tiếp tục tham gia thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia⁷, trong đó, chủ trì thực hiện Dự

⁷ Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 (với nội dung 06 trong Nội dung thành phần số 08 “Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ

án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030. Đồng thời, các cấp Hội tiếp tục thực hiện Đề án 938 “Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ”, đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” và Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030”.

Bối cảnh trên đòi hỏi các cấp Hội cần đầu tư nghiên cứu, cung cấp bằng chứng nhằm thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội.

4.2. Một số vấn đề bình đẳng giới cần quan tâm

- *Bình đẳng giới trong chính trị và hành chính công*: Dù đã có tiến bộ về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, nhưng đại biểu Quốc hội một số địa phương vẫn chưa có nữ; tỷ lệ phụ nữ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp chưa đảm bảo; tỷ lệ nữ làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thấp (chỉ từ 11%-17% ở tất cả các cấp hành chính). Còn tồn tại nhiều rào cản, định kiến giới đối với phụ nữ trong tham gia lãnh đạo, quản lý. Việc thúc đẩy sự tham gia nhiều hơn của phụ nữ vào đời sống xã hội - chính trị đòi hỏi những lộ trình cụ thể, khả thi, đào tạo và bồi dưỡng phụ nữ ngay từ khi còn trẻ. Đây vẫn tiếp tục là chủ đề cần ưu tiên nghiên cứu, cũng như cần thu thập, cập nhật thông tin, số liệu và các kết quả nghiên cứu có liên quan để phục vụ cho việc truyền thông xóa bỏ định kiến giới, cũng như giám sát, phản biện xã hội và đề xuất chính sách.

- *Bình đẳng giới trong kinh tế, lao động - việc làm* có một số vấn đề lớn về giới cần quan tâm như sau: **i)** Khác biệt nam-nữ dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ 4: khoảng cách giới về kỹ năng số; tác động tương tác của chuyển đổi số với các cú sốc lớn do Covid-19 gây ra; khả năng đáp ứng của lao động nữ trong thị trường lao động quốc tế; **ii)** Chênh lệch tiền lương giữa nam và nữ, chênh lệch giữa nam và nữ về số giờ làm việc chăm sóc không được trả công trong gia đình; **iii)** Khác biệt nam-nữ trong việc làm trong khu vực phi chính thức; **iv)** Doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh do phụ nữ làm chủ: thuận lợi, khó khăn? Làm thế nào để nâng cao cả về số lượng lẫn quy mô, chất lượng của doanh nghiệp do nữ làm chủ? **v)** Về quan hệ giới trong lao động, đặc biệt vấn đề quấy rối tình dục nơi làm việc; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới ở nơi làm việc; việc thực thi Bộ luật Lao động sửa đổi (2019) trên thực tế, nhất là Chương X. **vi)** Xem xét, đánh giá hiệu quả bộ công cụ WE RISE⁸ làm cơ sở tăng cường ứng dụng rộng rãi trong các doanh nghiệp/công ty nhằm phát triển các sáng kiến, chương trình hành động thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; thu hút các công ty vận dụng các nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ trong doanh nghiệp.

bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội” Hội phối hợp với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Nội dung 03 trong Nội dung thành phần số 09 “Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” và nội dung 05 trong cùng Nội dung thành phần 09 về “Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”); Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

⁸ Một công cụ của tổ chức Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ của Liên hiệp quốc (UNWomen) nhằm tạo cơ hội thị trường bình đẳng cho phụ nữ bằng cách đa dạng hóa nhà cung cấp thông qua mua sắm có trách nhiệm giới tại Việt Nam

- *Bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo*: Khác biệt giới của học sinh nam và nữ ở đào tạo bậc cao và giáo dục-đào tạo cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; nội dung về bình đẳng giới trong các chương trình giáo dục - đào tạo chưa được chú ý thỏa đáng. Những vấn đề sau đây cần quan tâm trong thời gian tới: i) Thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số; ii) Thúc đẩy lồng ghép giới vào nội dung giáo dục-đào tạo các cấp; iii) Khác biệt nam nữ trong đào tạo nghề bậc cao; iv) Phòng chống quấy rối tình dục và bạo lực trên cơ sở giới trong môi trường giáo dục và đào tạo; v) kỹ năng hội nhập quốc tế cho phụ nữ và trẻ em gái.

- *Bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe*: Lĩnh vực này đã có rất nhiều tiến bộ, nhưng do đây là lĩnh vực rất rộng và phức tạp, nên vẫn còn rất nhiều vấn đề giới cần được đặc biệt chú ý: vấn đề giới trong chăm sóc sức khỏe cho các nhóm dân cư đặc thù; chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh; tình trạng nạo phá thai ở trẻ vị thành niên; chăm sóc sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới cho các nhóm dân cư dễ bị tổn thương; bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- *Bình đẳng giới trong gia đình*: nhiều quan niệm về các giá trị có liên quan đến vai trò của người cha, người mẹ, người chồng, người vợ, người con trai, người con gái, thứ bậc của con, các giá trị đạo đức trong ứng xử hàng ngày, các giá trị liên quan đến tình yêu, tình dục, hôn nhân và gia đình... đang có nhiều thay đổi. Cần đặc biệt lưu ý đến việc nghiên cứu vai trò của giáo dục gia đình, sự thay đổi các chuẩn mực, giá trị, tâm thế, thái độ của nam và nữ đối với các vấn đề có liên quan đến quan hệ giới trong hôn nhân và gia đình trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- *Bình đẳng giới trong chuyển đổi số và trên môi trường mạng*: cần có những nghiên cứu, đề xuất hỗ trợ phụ nữ phù hợp trong quá trình thực hiện chuyển đổi số đảm bảo việc ứng dụng khoa học công nghệ và AI không làm gia tăng thêm khoảng cách giới. Mạng internet và các ứng dụng như email, các nền tảng mạng xã hội như zalo, viber, facebook... đã trở thành một phần của cuộc sống hiện đại, đem lại nhiều tiện lợi và cơ hội phát triển cho mọi người. Song môi trường mạng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ và có thể có tác động khác nhau: nguy cơ bất bình đẳng giới cả về năng lực tiếp cận thông tin trên môi trường mạng lẫn về rủi ro do thiếu an toàn thông tin, bị bắt nạt, lạm dụng, bạo lực trên môi trường mạng. Đây là chủ đề khá mới và còn ít được nghiên cứu. Do đó, cần có nghiên cứu sâu, tìm hiểu cơ hội và thách thức đối với phụ nữ và nam giới trên môi trường mạng nhằm tìm ra các giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới và hạn chế tác hại của môi trường mạng.

PHẦN II. CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ PHỤ NỮ VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2023 – 2027

I. Quan điểm, định hướng

1. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, tăng cường ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam là một trong những giải pháp then chốt để Hội thực hiện tốt chức năng đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và Nghị quyết Đại hội Phụ nữ lần thứ XIII.

2. Nghiên cứu khoa học cần có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng nghiên cứu dự báo, nghiên cứu ứng dụng; gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với giải quyết các nhiệm vụ chính trị của Hội.

3. Kết quả nghiên cứu khoa học phải được phổ biến, chuyển giao có địa chỉ, đảm bảo liên thông, liên kết, tích hợp giữa các cấp Hội; kịp thời tổng hợp kết quả nghiên cứu, bổ sung hệ cơ sở dữ liệu chung; đảm bảo gắn kết giữa nghiên cứu với cung cấp, trao đổi thông tin, phục vụ công tác quản lý và khai thác kết quả nghiên cứu khoa học hiệu quả.

4. Đầu tư nguồn lực thỏa đáng cho công tác nghiên cứu khoa học; tăng cường phối hợp với các nhà khoa học, các tổ chức khoa học uy tín trong và ngoài nước có chung mối quan tâm về phụ nữ và bình đẳng giới.

5. Quan tâm xây dựng năng lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ Hội các cấp đáp ứng yêu cầu thực tế, nhất là cấp Trung ương và cấp tỉnh; chú trọng gắn lý thuyết với thực hành nghiên cứu.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, cung cấp kịp thời căn cứ, luận cứ về phụ nữ, công tác phụ nữ, bình đẳng giới và công tác Hội nhằm đáp ứng yêu cầu công tác chỉ đạo, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội; tăng cường đề xuất chính sách, pháp luật về phụ nữ, bình đẳng giới dựa trên bằng chứng; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học phù hợp với nhiệm vụ được giao; cung cấp, chia sẻ, chuyển giao kết quả nghiên cứu về phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới phục vụ công tác hoạch định và tổ chức thực thi chính sách, pháp luật của các cơ quan, tổ chức.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao chất lượng thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của Hội, phấn đấu 100% các đề tài nghiên cứu ở cấp trung ương có bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học tính điểm, đảm bảo phục vụ tốt nhiệm vụ công tác Hội và công tác điều hành, chỉ đạo của cấp Trung ương;

- Phấn đấu tăng ít nhất 10% đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ nhiệm vụ công tác Hội trong nhiệm kỳ ở cấp Trung ương và tỉnh/thành phố.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ cán bộ Hội thông qua tập huấn, bồi dưỡng và giao nhiệm vụ trực tiếp; cấp trung ương tăng cường các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, phương pháp nghiên cứu cho cấp tỉnh, thành phố.

- Khuyến khích cán bộ, công chức thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Phần đầu mỗi năm, có trên 50% cán bộ, công chức các Ban phong trào TW Hội và ít nhất 30% cán bộ Hội LHPN các tỉnh/thành phố được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ thuật, phương pháp nghiên cứu có khả năng triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và sử dụng kỹ thuật nghiên cứu phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

- Đảm bảo 100% kết quả nghiên cứu khoa học của Hội được công bố, chia sẻ và chuyển giao theo quy định hiện hành.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về phụ nữ, công tác phụ nữ, gia đình và bình đẳng giới đáp ứng yêu cầu thông tin, báo cáo nhanh của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch và nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan TW Hội.

III. Định hướng nội dung nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội giai đoạn 2022 - 2027

- Nghiên cứu các khía cạnh, nội dung của chức năng đại diện của tổ chức Hội (tham gia xây dựng luật pháp, chính sách; giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách; thực hiện vai trò nòng cốt trong đoàn kết, vận động phụ nữ phát huy quyền làm chủ; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới); các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội.

- Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn triển khai phong trào thi đua, cuộc vận động, khâu đột phá và các nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ theo Nghị quyết Đại hội Phụ nữ XIII.

- Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn công tác vận động phụ nữ.

- Tổng kết thực tiễn 20 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW và 10 năm Chỉ thị 21-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.

- Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của hội viên, từ đó, đề xuất giải pháp, cách thức phát huy hội viên, phụ nữ trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

- Nghiên cứu sâu về công tác phát triển hội viên, về các nhóm hội viên (hội viên nòng cốt, hội viên đương nhiên, hội viên danh dự, hội viên liên kết...); về phương thức tập hợp hội viên (qua mạng xã hội...); về quản lý hội viên (đi làm ăn xa, chuyển sinh hoạt Hội...)

2. Nghiên cứu thực tiễn đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Hội nhiệm kỳ 2022 - 2027

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội LHPN Việt Nam.

- Nghiên cứu giải pháp xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; tác động của bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế đến đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Hội.

- Nghiên cứu dự báo các xu hướng phát triển tác động đến công tác thu hút, tập hợp phụ nữ và nhu cầu, mong muốn của phụ nữ đối với tổ chức Hội; nghiên cứu về đặc điểm tâm lý lứa tuổi và các nhóm phụ nữ đặc thù (như: dân tộc, phụ nữ theo tôn giáo, phụ nữ tiểu thương, nữ trí thức, doanh nhân nữ...) để có căn cứ thiết kế hoạch động phù hợp từng nhóm đối tượng.

- Nghiên cứu và ứng dụng tiêu chí đánh giá sự đồng thuận của phụ nữ đối với hoạt động và tổ chức Hội.

- Nghiên cứu phương thức tập hợp và gia tăng kết nối cá nhân, tổ chức phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài.

- Nghiên cứu xây dựng đội ngũ cán bộ Hội và nâng cao chất lượng hoạt động của các cấp Hội, đặc biệt là ở cấp cơ sở, chi, tổ phụ nữ.

- Nghiên cứu tác động của chủ trương, chính sách liên quan đến tổ chức, bộ máy hệ thống Hội; vấn đề đầu tư nguồn lực cho hoạt động Hội cấp cơ sở.

- Nghiên cứu giải pháp tăng cường chuyển đổi số trong các cấp Hội và thúc đẩy phụ nữ tham gia chuyển đổi số, góp phần xây dựng xã hội số, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

- Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án của Chính phủ mà Hội LHPN Việt Nam được giao nhiệm vụ.

- Nghiên cứu xây dựng văn hóa tổ chức, tạo môi trường làm việc khoa học, chuyên nghiệp trong các cơ quan chuyên trách Hội LHPN Việt Nam.

- Nghiên cứu, tổng kết, đánh giá các mô hình hoạt động hiệu quả của các cấp Hội nhằm đề xuất nhân diện rộng.

- Nghiên cứu về hiệu quả phối hợp của Hội LHPN các cấp với các cơ quan/tổ chức khác trong các lĩnh vực và trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội.

3. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trên các lĩnh vực hoạt động của tổ chức Hội

3.1. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Phong trào thi đua “Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới”

- Nghiên cứu các khía cạnh của xây dựng người phụ nữ thời đại mới.

- Nghiên cứu về phụ nữ trên các lĩnh vực.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện.

3.2. Nghiên cứu đề xuất chính sách, tham gia xây dựng và phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, công tác phụ nữ, tổ chức Hội và bình đẳng giới

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách hỗ trợ, chăm lo và phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của các nhóm phụ nữ khác nhau, trong đó, có phụ nữ yếu thế; phụ nữ làm việc trong khu vực phi chính thức; phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, phụ nữ cao tuổi, phụ nữ di cư...; nhóm phụ nữ trung lưu, phụ nữ trí thức, phụ nữ làm lãnh đạo quản lý, doanh nhân, phụ nữ tài năng trên các lĩnh vực.

- Nghiên cứu đề xuất phương án mở rộng chế độ thai sản trong hệ thống bảo hiểm xã hội tại Việt Nam.

- Nghiên cứu, đánh giá tác động giới của văn bản quy phạm pháp luật, làm cơ sở thực hiện phân biện xã hội và xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách xã hội liên quan đến phụ nữ; chính sách hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ.

3.3. Nghiên cứu các vấn đề xã hội mới phát sinh liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới, các vấn đề liên quan đến gia đình; các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em

- Nghiên cứu ảnh hưởng của các vấn đề xã hội đến phụ nữ và bình đẳng giới, như: khoảng cách giới về kỹ năng số; tác động tương tác của chuyển đổi số với các cú sốc lớn do Covid-19; chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới ở nơi làm việc; các vấn đề liên quan đến phụ nữ di cư ...

- Nghiên cứu giải pháp nắm bắt tình hình dư luận xã hội trong hội viên phụ nữ; đấu tranh, phản bác các quan điểm, luận điệu sai trái thù địch.

- Nghiên cứu giải pháp xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ, trẻ em; quan tâm đến những vấn đề mới, như: an ninh thông tin; an toàn trên không gian mạng, trong khủng hoảng, thiên tai, dịch bệnh, vấn đề an ninh phi truyền thống...

- Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực. Nghiên cứu sâu những vấn đề tiếp tục thu hút sự quan tâm đặc biệt của phụ nữ, như: bình đẳng giới trong gia đình, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; và những vấn đề mới nổi như: bình đẳng giới trên không gian mạng và khoảng cách số về giới...

- Nghiên cứu các vấn đề giới mới; các nhóm thiểu số về giới (đồng tính, song tính, chuyển giới...).

- Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới, đảm bảo phù hợp với từng nhóm đối tượng và đặc thù vùng, miền.

- Nghiên cứu sự biến đổi hệ giá trị, chuẩn mực, tâm thế, thái độ đối với các quan hệ giới trong gia đình và ngoài xã hội; nghiên cứu về xu hướng hôn nhân – gia đình của các gia đình trẻ; nghiên cứu về chuẩn mực các mô hình gia đình trong bối cảnh hiện nay và vai trò của phụ nữ.

3.4. Thực hiện các điều tra cơ bản, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ

- Thực hiện các cuộc điều tra cơ bản theo chuyên đề nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về phụ nữ và bình đẳng giới trong các lĩnh vực phục vụ công tác tham mưu, đề xuất chính sách, đáp ứng nhu cầu của phụ nữ.

- Triển khai các cuộc điều tra cơ bản liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới vào thời điểm giữa và cuối của nhiệm kỳ nhằm đánh giá khoa học về thực trạng phụ nữ và bình đẳng giới, về kết quả hoạt động công tác Hội, làm cơ sở kịp thời điều chỉnh và đề xuất định hướng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các cấp Hội.

- Thực hiện các khảo sát, điều tra dư luận phụ nữ và tình hình phụ nữ.

3.5. Các nội dung nghiên cứu khác theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Thường trực Đoàn Chủ tịch nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách trong thực tiễn công tác Hội

IV. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội mạnh về nghiên cứu khoa học và đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ KHCN

- Thường xuyên nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ Hội các cấp về tầm quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng có hệ thống, thường xuyên cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ Hội cấp trung ương và cấp tỉnh/thành phố. Nâng cao năng lực tự nghiên cứu của cán bộ thông qua việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và thực tiễn công tác Hội; tăng cường hình thức nâng cao năng lực thông qua kèm cặp, hướng dẫn trực tiếp; khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu.

- Xây dựng nhóm cán bộ nòng cốt làm nghiên cứu tại các ban, đơn vị, có khả năng thiết kế và tổ chức nghiên cứu khoa học, xử lý, tổng hợp, phân tích thông tin, dữ liệu nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, đóng góp cho quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng ban, đơn vị và của tổ chức Hội.

- Tạo cơ hội và có cơ chế khuyến khích cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, khai thác nguồn lực, dự án quốc tế thực hiện nghiên cứu phục vụ nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- Khuyến khích và có chính sách, chế độ hỗ trợ phù hợp đối với cán bộ Hội tham gia học tập nâng cao trình độ bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ). Coi mức độ tham gia và chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những tiêu chí đánh giá cán bộ và bình xét thi đua hằng năm.

- Phân công, bố trí, tạo điều kiện cho cán bộ Hội tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế về những vấn đề liên quan tới phụ nữ và bình

đẳng giới. Tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan trong và ngoài nước.

- Hằng năm, cấp trung ương tăng cường tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ nhằm chia sẻ, cập nhật các thông tin, kiến thức, kỹ năng về kết quả nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học; khuyến khích cấp Hội địa phương tổ chức thực hiện.

2. Nâng cao năng lực quản lý và thực hiện nhiệm vụ KHCN của tổ chức Hội

- Thực hiện hiệu quả Quy chế quản lý nhiệm vụ KHCN của Hội; thường xuyên thông tin, phổ biến về quy chế, quy trình thực hiện các nhiệm vụ KHCN; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhiệm vụ KHCN, quản lý cơ sở dữ liệu của Hội đồng khoa học cơ quan Trung ương Hội; hình thành cơ chế thông tin, báo cáo về hoạt động KHCN của các cấp Hội.

- Tổ chức đa dạng các nhiệm vụ KHCN, nhất là các nhiệm vụ cung cấp căn cứ, luận cứ cho quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội, công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội, công tác tham gia xây dựng chính sách, luật pháp dựa trên bằng chứng; xây dựng tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ thực hành nghiên cứu; tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề khoa học phù hợp với định hướng công tác hàng năm của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch TW Hội.

- Hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện để Hội LHPN cấp tỉnh/thành phố chủ trì, tham gia nghiên cứu khoa học; vận dụng phương pháp nghiên cứu vào thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học các cấp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; tập trung nghiên cứu, dự báo các vấn đề phát sinh trong thực tiễn liên quan đến phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

- Nâng cao hiệu quả phối hợp thực hiện các nhiệm vụ KHCN trong cơ quan Trung ương Hội và giữa các cấp Hội. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong các đơn vị sự nghiệp của Hội, phục vụ tốt hơn nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị; chú trọng và phát huy vai trò chủ lực của tổ chức khoa học và công nghệ của Hội là Học viện Phụ nữ Việt Nam trong nghiên cứu/điều tra cơ bản và nghiên cứu lý luận về phụ nữ, công tác phụ nữ, về giới và bình đẳng giới.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng khoa học cơ quan TW Hội; phát huy vai trò của đội ngũ chuyên gia là thành viên Hội đồng khoa học cơ quan trong tư vấn, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học của Hội.

3. Tăng cường phổ biến, chuyển giao và ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong thực hiện nhiệm vụ công tác Hội

- Đa dạng các hình thức phổ biến, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học thông qua việc công bố kết quả nghiên cứu khoa học trong hệ thống Hội, trên các ấn phẩm, tạp chí chuyên ngành và tổ chức các hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt khoa học, nhất là ở cấp Trung ương và cấp tỉnh/thành phố; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học.

- Tăng tính ứng dụng vào thực tiễn hoạt động công tác Hội của các đề tài nghiên cứu thông qua các báo cáo kiến nghị (chính sách) gửi Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch; chủ động gắn nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ phản biện xã hội và xây dựng, đề xuất chính sách; lấy kết quả ứng dụng vào thực tiễn công tác Hội làm chỉ số đánh giá quan trọng của đề tài nghiên cứu các cấp.

- Duy trì việc xuất bản định kỳ tờ Thông tin phụ nữ và bình đẳng giới hàng năm nhằm giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học của Hội, bao gồm cả bản điện tử; xây dựng chuyên mục “Nghiên cứu và trao đổi” trên Cổng Thông tin điện tử của Hội trở thành kênh chuyên tải, phổ biến, quảng bá thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học chính thức, có hiệu quả; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học giữa các cấp Hội.

- Từng bước hình thành cơ sở dữ liệu chung về các kết quả nghiên cứu về phụ nữ, công tác phụ nữ, giới và bình đẳng giới; tiếp tục phối hợp với Tổng cục thống kê xây dựng chỉ tiêu giới định kỳ.

4. Bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho các hoạt động KHCN

- Đa dạng hóa nguồn lực kinh phí dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học (từ sự nghiệp KH&CN, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục, từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, dự án...); đảm bảo các khoản chi đúng mục đích cho hoạt động KHCN.

- Tích cực khai thác nguồn lực tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ nhiệm vụ công tác Hội.

- Trang bị cơ sở vật chất và các phần mềm hỗ trợ khai thác, quản lý dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu của Hội.

- Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật để Hội LHPN các tỉnh/thành phố đăng ký trở thành đầu mối nghiên cứu khoa học tại địa phương để tăng nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học hàng năm.

5. Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp, hợp tác trong nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ KHCN khác

- Thiết lập, mở rộng hợp tác với các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học, tổ chức hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế.

- Liên kết, hợp tác nghiên cứu khoa học theo hướng thực hiện chuyên đề nghiên cứu, đề tài nhánh hoặc các hình thức hợp tác phù hợp khác

- Chủ động phối hợp, hợp tác với các tổ chức, cá nhân/nhà khoa học trong nước và quốc tế trong thảo luận, chia sẻ, học tập kinh nghiệm nghiên cứu, đề xuất chính sách về phụ nữ và bình đẳng giới.

- Xây dựng mạng lưới chuyên gia/cộng tác viên là các nhà nghiên cứu khoa học có uy tín trong lĩnh vực phụ nữ và bình đẳng giới. Phát huy vai trò của Hội Nữ trí thức Việt Nam, Hội Nữ doanh nhân Việt Nam trong phối hợp thực hiện các nhiệm vụ KHCN, nhất là thực hiện các nghiên cứu ứng dụng.

V. Tổ chức thực hiện

1. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

1.1. Ban Chính sách - Luật pháp

- Thường trực tham mưu, giúp việc cho Hội đồng khoa học cơ quan TW Hội triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.
- Cụ thể hoá Chương trình Nghiên cứu khoa học về phụ nữ và bình đẳng giới vào Kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm của cơ quan.
- Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật thực hiện các nhiệm vụ KHCN cho các ban, đơn vị, tỉnh/thành Hội theo nhu cầu và kế hoạch được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ quy chế quản lý nhiệm vụ KHCN của Hội.
- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chương trình và định kỳ báo cáo Thường trực Đoàn Chủ tịch kết quả thực hiện.

1.2. Các ban, đơn vị cơ quan TW Hội

- Định kỳ hằng năm đề xuất, đăng ký và tổ chức thực hiện các nội dung/nhiệm vụ nghiên cứu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và những vấn đề phát sinh theo định hướng và đặt hàng của Thường trực Đoàn Chủ tịch.
- Cử và tạo điều kiện cho cán bộ tham gia các hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực nghiên cứu
- Cung cấp thông tin, báo cáo về hoạt động nghiên cứu khoa học do Ban, đơn vị thực hiện bằng nguồn ngân sách chuyên môn hoặc từ các chương trình, dự án, đề án ngoài nguồn sự nghiệp KHCN để Hội đồng khoa học cơ quan tổng hợp kết quả chung.
- Phối hợp lưu trữ, chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn công tác Hội
- Thực hiện các nhiệm vụ KHCN theo đúng quy định của pháp luật về KHCN và Quy chế quản lý nhiệm vụ KHCN của Hội.
- Ban Tổ chức: tham mưu cụ thể hóa mức độ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học thành tiêu chí đánh giá cán bộ và bình xét thi đua hằng năm.
- Văn phòng TW Hội: phối hợp với Ban Chính sách – Luật pháp xây dựng và bảo vệ dự toán ngân sách KHCN hằng năm; kiểm tra, giám sát tiến độ giải ngân nguồn kinh phí sự nghiệp KHCN của các Ban/đơn vị; phối hợp thực hiện thủ tục thanh quyết toán đảm bảo đúng quy định.

2. Hội Liên hiệp phụ nữ các tỉnh/thành phố; Ban Phụ nữ Công an nhân dân; Ban Phụ nữ Quân đội

- Tăng cường chỉ đạo và thực hiện công tác nghiên cứu khoa học gắn với thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương và của Hội. Chỉ đạo, hướng dẫn cấp Hội cơ sở quan tâm phát hiện những vấn đề mới, vấn đề khó cần nghiên cứu, làm cơ sở cho quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học và đẩy mạnh ứng dụng, sử dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn công tác Hội.

- Chủ động đề xuất Trung ương Hội hỗ trợ kỹ thuật thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn ở địa phương; hỗ trợ hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học do TW Hội thực hiện tại địa phương.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ Hội LHPN cấp tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường phối hợp hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KHCN với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân hoạt động KHCN.

- Cung cấp thông tin, báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN do tỉnh/thành Hội thực hiện để TW Hội tổng hợp định kỳ. /.